

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ DEFIX NETWORK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ DEFIX NETWORK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DEFIX NETWORK TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DEFIX NETWORK TECH.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109957608

3. Ngày thành lập: 06/04/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 118, phố Mễ Trì Hạ, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0382021660

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
5.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4652
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4653
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4659
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4663
10.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu hàng hóa; - Đại diện cho thương nhân - Ủy thác mua bán hàng hóa - Nhượng quyền thương mại (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	8299
12.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
13.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
14.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
15.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
16.	Lập trình máy vi tính	6201(Chính)
17.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
18.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
19.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
20.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
21.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động báo chí, hoạt động nhà nước cấm)	6399
22.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
23.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
24.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
25.	Quảng cáo	7310
26.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động báo chí và những hoạt động nhà nước cấm)	7320
27.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
28.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động báo chí và những hoạt động nhà nước cấm)	7420
29.	Cho thuê xe có động cơ	7710
30.	Bán buôn tổng hợp (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4690
31.	In ấn	1811
32.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
33.	Sao chép bản ghi các loại (Loại trừ rập khuôn tem)	1820
34.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ các hàng hóa cấm, loại trừ bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tiền kim khí; Loại trừ hoạt động đấu giá)	4774

35.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
36.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động sản xuất chương trình truyền hình độc quyền nhà nước)	5911
37.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: - Sản xuất chương trình quảng cáo trên truyền hình; - Sản xuất các chương trình quảng cáo không sử dụng phương tiện truyền thanh truyền hình và hoạt động của các thư viện lưu giữ phim khác	5913
38.	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ điều kiện luật định)	6022
39.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập Internet; - Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động - Dịch vụ ứng dụng viễn thông; - Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không bao gồm những dịch vụ nhà nước cấm) - Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ điều kiện luật định)	6190
40.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
41.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
42.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
44.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
45.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
46.	Xây dựng công trình điện	4221
47.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
48.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4741
51.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4742
52.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4759

53.	Bán lẻ bằng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại nhà nước cấm)	4762
54.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại nhà nước cấm)	4764
55.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ các hàng hóa cấm, loại trừ bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tiền kim khí; tem và vàng trang sức; Loại trừ hoạt động đấu giá)	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VĂN TÚ	Xóm 11, Xã Lai Thành, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	164548797	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		

2	NGUYỄN ĐỨC TRÌNH	Xóm 6, Xã Xuân Châu, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	5,000	037202005203
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	5.000	50.000.000	5,000	
3	TRẦN VĂN TRƯỜNG	Xóm 11, Xã Lai Thành, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	85.000	850.000.000	85,000	037090001831
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	85.000	850.000.000	85,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/11/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037090001831

Ngày cấp: 26/12/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Xóm 11, Xã Lai Thành, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 11, Xã Lai Thành, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội